TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2020/HNGĐ-ST
Ngày 15-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 328/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tô Thị K, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp MĐ, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn M, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp MĐ, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Tô Thị K trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh M chung sống năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh M uống rượu về hành hung vợ con, chửi mắng, ghen tuông. Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh M nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 1 con chung tên Lê Thành H, sinh ngày 02/9/2007. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu H, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ: Không có.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng

cho anh Lê Văn M nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến giải trình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Tô Thị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Lê Văn M đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị K, anh M là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị K và anh M chung sống với nhau vào năm 2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TAK, hôn nhân tự nguyện theo đúng quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị K xác định nguyên nhân mâu thuẫn do anh M uống rượu về hành hung vợ con, chửi mắng, ghen tuông. Đối với anh M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vẫn mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu nguyên nhân mâu thuẫn theo như chị K trình bày, điều đó cho thấy anh không có nguyện vọng để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Dó đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị K được ly hôn anh M.

[3] Về con chung: Chị K yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H. Xét thấy, từ khi anh chị ly thân đến nay, cháu H sống chung với chị K vẫn phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, anh M không yêu cầu được nuôi dưỡng con và theo biên bản ghi nguyện vọng con chung ngày 29/7/2020 thể hiện cháu H có nguyện vọng sống chung với chị Kỳ. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu H cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị K xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Tô Thị K, cho chị Tô Thị K được ly hôn anh Lê Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thành H, sinh ngày 02/9/2007 cho chị Tô Thị K tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Lê Văn M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Tô Thị K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010700 ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị K đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Tô Thị K và anh Lê Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã TAK;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng